

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12000100	Bùi Đăng Thái An	1201	12A4	
2	12000200	Trần Lê Hà An	1201	12A4	
3	12000600	Lê Quốc Anh	1201	12AP1_TA	
4	12000700	Nguyễn Thị Vân Anh	1201	12AP1_TA	
5	12000800	La Gia Trâm Anh	1201	12AP2_TA	
6	12000900	Nguyễn Hoàng Thục Anh	1201	12AP2_TA	
7	12001000	Nguyễn Lan Anh	1201	12A1	
8	12001100	Trần Huỳnh Duy Anh	1201	12A2	
9	12001200	Mạc Quỳnh Anh	1201	12A2	
10	12001300	Phạm Võ Minh Anh	1201	12A2	
11	12001400	Nguyễn Xuân Ngọc Anh	1201	12A2	
12	12001500	Trịnh Mai Trâm Anh	1201	12A3	
13	12001600	Trần Ngọc Minh Anh	1201	12A3	
14	12001700	Trịnh Ngọc Trâm Anh	1201	12A3	
15	12001800	Lê Quỳnh Anh	1201	12A3	
16	12001900	Nguyễn Huỳnh Lan Anh	1201	12A4	
17	12002000	Chu Nguyễn Việt Anh	1201	12A4	
18	12004800	Nguyễn Trần Phúc Bảo	1201	12AP2_TA	
19	12004900	Nguyễn Hoàng Ngọc Bảo	1201	12A5	
20	12005700	Bùi Long Châu	1201	12AP2_TA	
21	12006000	Nguyễn Thị Thủy Chung	1201	12A5	
22	12006100	Nguyễn Kiên Cường	1201	12A5	
23	12006400	Trần Nguyễn Minh Đan	1201	12AP2_TA	
24	12006600	Nguyễn Công Danh	1201	12A3	
1	12006700	Nguyễn Thị Trúc Đào	1202	12A2	
2	12006800	Lâm Thành Đạt	1202	12AP1_TA	
3	12006900	Phạm Minh Đạt	1202	12A2	
4	12007000	Nguyễn Quốc Đạt	1202	12A4	
5	12007100	Trần Tấn Đạt	1202	12A5	
6	12007600	Nguyễn Văn Minh Diện	1202	12A5	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12007700	Nguyễn Phước Điền	1202	12AP1_TA	
8	12007800	Lê Ngọc Diệp	1202	12A3	
9	12007900	Nguyễn Thịnh Đức	1202	12A5	
10	12008000	Phạm Tiến Đức	1202	12A5	
11	12008300	Hoàng Anh Dũng	1202	12A2	
12	12008400	Tạ Anh Dũng	1202	12A4	
13	12008600	Bùi Lê Ánh Dương	1202	12A1	
14	12008700	Trần Thái Dương	1202	12A1	
15	12008800	Nguyễn Thùy Dương	1202	12A2	
16	12008900	Nguyễn Lê Duy	1202	12A5	
17	12009100	Trương Ngọc Phương Duyên	1202	12AP1_TA	
18	12009200	Phạm Đoàn Tố Duyên	1202	12A4	
19	12009300	Trần Nguyễn Kỳ Duyên	1202	12A5	
20	12009400	Mai Nguyễn Trà Giang	1202	12AP2_TA	
21	12009500	Trần Quỳnh Giang	1202	12A1	
22	12009600	Lê Quỳnh Giang	1202	12A2	
23	12009800	Nguyễn Thúy Hà	1202	12AP1_TA	
24	12010200	Tổng Nguyễn Gia Hân	1202	12AP1_TA	
1	12010300	Trần Gia Hân	1203	12A1	
2	12010400	Phan Hân Hân	1203	12A1	
3	12010500	Nguyễn Ngọc Gia Hân	1203	12A1	
4	12010600	Phạm Thị Ngọc Hân	1203	12A1	
5	12010700	Nguyễn Xuân Gia Hân	1203	12A1	
6	12010800	Trần Huỳnh Ngọc Hân	1203	12A4	
7	12010900	Nguyễn Ngọc Hân	1203	12A4	
8	12011200	Lê Kim Hằng	1203	12A2	
9	12011300	Phan Thị Mỹ Hạnh	1203	12A5	
10	12011500	Lê Thị Phúc Hậu	1203	12A4	
11	12011600	Nguyễn Thu Hiền	1203	12AP1_TA	
12	12011900	Lê Minh Hiền	1203	12A5	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12012000	Trần Lê Ngọc Hiếu	1203	12A1	
14	12012100	Nguyễn Ngọc Hiếu	1203	12A3	
15	12012200	Văn Đình Hiếu	1203	12A5	
16	12012300	Lê Văn Hiếu	1203	12A5	
17	12012700	Nguyễn Minh Hòa	1203	12AP1_TA	
18	12012800	Trương Gia Hoan	1203	12AP2_TA	
19	12012900	Vũ Đức Hoàng	1203	12A5	
20	12013200	Nguyễn Minh Hùng	1203	12A2	
21	12013500	Vũ Gia Hưng	1203	12A5	
22	12014200	Nguyễn Ngọc Lan Hương	1203	12AP2_TA	
23	12014400	Nguyễn Quốc Huy	1203	12AP2_TA	
24	12014500	Lưu Công Huy	1203	12A3	
1	12014600	Nguyễn Minh Huy	1204	12A3	
2	12014700	Phan Hoàng Huy	1204	12A5	
3	12014800	Nguyễn Nhật Huy	1204	12A5	
4	12015300	Nguyễn Thị Diệu Huyền	1204	12A1	
5	12015500	Phan Trang Gia Khang	1204	12A1	
6	12016000	Nguyễn Huỳnh Mai Khanh	1204	12AP1_TA	
7	12016200	Nguyễn Bửu Khoa	1204	12AP1_TA	
8	12016300	Trần Đăng Khoa	1204	12A4	
9	12016400	Nguyễn Trịnh Đình Khoa	1204	12A4	
10	12016700	Trần Minh Khôi	1204	12A4	
11	12017500	Nguyễn Thị Mộng Kiều	1204	12A4	
12	12017600	Phạm Nguyễn Trúc Lam	1204	12A3	
13	12017700	Nguyễn Hồng Lam	1204	12A5	
14	12017900	Huỳnh Gia Lập	1204	12A1	
15	12018000	Nguyễn Thanh Liêm	1204	12AP1_TA	
16	12018100	Nguyễn Khánh Linh	1204	12AP1_TA	
17	12018200	Trần Gia Linh	1204	12A4	
18	12018300	Nguyễn Khánh Linh	1204	12A4	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
19	12018400	Nguyễn Phương Linh	1204	12A4	
20	12018500	Tường Thị Thùy Linh	1204	12A5	
21	12018600	Nguyễn Trần Diệu Linh	1204	12A5	
22	12019800	Nguyễn Văn Long	1204	12AP1_TA	
23	12019900	Phạm Ngọc Bửu Long	1204	12A2	
24	12020000	Nguyễn Hoàng Long	1204	12A5	
1	12020600	Bùi Đình Hương Ly	1205	12AP1_TA	
2	12020800	Đàm Thanh Mai	1205	12A2	
3	12020900	Phạm Vân Mai	1205	12A4	
4	12021200	Nguyễn Thị Triệu Minh	1205	12A1	
5	12021300	Vũ Lê Minh	1205	12A2	
6	12021400	Nguyễn Thị Ngọc Minh	1205	12A3	
7	12021500	Chiêm Nguyễn Quốc Minh	1205	12A5	
8	12022200	Huỳnh Ngọc Kiều My	1205	12AP1_TA	
9	12022300	Nguyễn Ngọc Hoàng My	1205	12A1	
10	12022400	Vũ Ngọc Hà My	1205	12A2	
11	12022500	Lê Nguyễn Trà My	1205	12A5	
12	12022600	Nguyễn Hồ Hoài Nam	1205	12A2	
13	12022700	Nguyễn Phan Nhật Nam	1205	12A4	
14	12023200	Huỳnh Ngọc Nga	1205	12AP2_TA	
15	12023300	Lê Hoàng Kim Ngân	1205	12A1	
16	12023400	Nguyễn Hồng Bảo Ngân	1205	12A3	
17	12023500	Võ Khánh Ngân	1205	12A4	
18	12023600	Cao Ngọc Kim Ngân	1205	12A4	
19	12024200	Trần Gia Nghi	1205	12A1	
20	12024300	Lê Hoàng Khánh Nghi	1205	12A3	
21	12024500	Võ Thị Mỹ Nghi	1205	12A3	
22	12024600	Nguyễn Thị Thiên Ngọc	1205	12AP2_TA	
23	12024700	Lê Dương Như Ngọc	1205	12A2	
24	12024800	Huỳnh Thụy Như Ngọc	1205	12A3	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12024900	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	1206	12A4	
2	12025800	Đỗ Thu Nguyên	1206	12AP1_TA	
3	12025900	Trần Tam Nguyên	1206	12A4	
4	12026800	Lê Hữu Thiện Nhân	1206	12A1	
5	12026900	Nguyễn Đức Nhân	1206	12A4	
6	12027000	Trần Thiện Nhân	1206	12A4	
7	12027100	Trương Thành Nhân	1206	12A5	
8	12027400	Nguyễn Minh Nhật	1206	12AP2_TA	
9	12027500	Nguyễn Minh Nhật	1206	12A4	
10	12027600	Nguyễn Thị Yến Nhi	1206	12AP2_TA	
11	12027700	Nguyễn Đoàn Yến Nhi	1206	12A3	
12	12028000	Trần Lê Kim Như	1206	12AP1_TA	
13	12028100	Đặng Nguyễn Khánh Như	1206	12A2	
14	12028200	Trần Huệ Tâm Như	1206	12A3	
15	12028300	Trần Quỳnh Như	1206	12A4	
16	12028400	Đặng Ngọc Vân Như	1206	12A5	
17	12029300	Trần Tấn Phát	1206	12A1	
18	12029400	Nguyễn Tấn Phát	1206	12A3	
19	12029500	Nguyễn Tiến Phát	1206	12A5	
20	12030100	Nguyễn Thị Yến Phi	1206	12A2	
21	12030200	Trương Tấn Phong	1206	12A3	
22	12030300	Diệp Cao Phong	1206	12A5	
23	12030400	Nguyễn Đức Phú	1206	12A1	
24	12030500	Lê Nguyễn Kim Phú	1206	12A1	
1	12030600	Trần Thiên Phúc	1207	12AP1_TA	
2	12030700	Phạm Ngọc Phúc	1207	12A1	
3	12030800	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	1207	12A3	
4	12030900	Trần Hoàng Phúc	1207	12A4	
5	12031400	Nguyễn Lam Phương	1207	12A2	
6	12031500	Nguyễn Kiều Trúc Phương	1207	12A3	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12031600	Phạm Mai Phương	1207	12A5	
8	12032400	Trịnh Kim Phương	1207	12A4	
9	12032500	Trương Đông Quân	1207	12AP1_TA	
10	12032600	Nguyễn Anh Quân	1207	12A4	
11	12032700	Phạm Trọng Quân	1207	12A4	
12	12032800	Nguyễn Minh Quân	1207	12A5	
13	12033000	Nguyễn Duy Việt Quang	1207	12A4	
14	12033100	Nguyễn Đại Quang	1207	12A5	
15	12033400	Đặng Trung Quốc	1207	12A3	
16	12033700	Mai Ngọc Quyên	1207	12AP2_TA	
17	12033800	Đỗ Ngọc Hoàng Quyên	1207	12A2	
18	12034000	Phan Bảo Quỳnh	1207	12AP1_TA	
19	12034100	Nguyễn Trúc Quỳnh	1207	12AP1_TA	
20	12034200	Trần Thị Diễm Quỳnh	1207	12A2	
21	12034300	Trần Thúy Quỳnh	1207	12A5	
22	12034800	Phạm Lê Phước Sang	1207	12A5	
23	12034900	Trần Phú Sang	1207	12A5	
24	12035200	Lưu Kim Sơn	1207	12AP1_TA	
1	12035300	Lê Ngọc Bích Sơn	1208	12A1	
2	12035500	Võ Thành Tài	1208	12A5	
3	12035700	Lưu Chí Tâm	1208	12A2	
4	12035800	Dương Lê Bảo Tâm	1208	12A2	
5	12035900	Trần Ngọc Khiết Tâm	1208	12A3	
6	12036000	Lâm Thanh Tâm	1208	12A3	
7	12036300	Trần Hữu Tân	1208	12A1	
8	12036400	Trần Nguyễn Nhật Tân	1208	12A2	
9	12036500	Lê Nhật Tân	1208	12A4	
10	12036700	Nguyễn Nhật Tảo	1208	12A2	
11	12037200	Ngô Hoàng Thắng	1208	12AP1_TA	
12	12037300	Kiều Quốc Thắng	1208	12AP1_TA	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12037400	Trà Nguyễn Toàn Thắng	1208	12AP2_TA	
14	12037700	Nguyễn Ngọc Hoài Thanh	1208	12AP1_TA	
15	12038000	Nguyễn Gia Thành	1208	12A3	
16	12038100	Phạm Ngọc Thành	1208	12A3	
17	12038200	Nguyễn Văn Thành	1208	12A3	
18	12038400	Huỳnh Phương Thảo	1208	12A1	
19	12038500	Nguyễn Mai Thảo	1208	12A3	
20	12038600	Ngô Lê Thiên Thảo	1208	12A4	
21	12038700	Bùi Phương Thảo	1208	12A4	
22	12038800	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	1208	12A5	
23	12038900	Nguyễn Phương Thảo	1208	12A5	
24	12039400	Lê Đức Thiện	1208	12A5	
1	12039600	Nguyễn Kim Thơ	1209	12A2	
2	12039700	Đinh Thị Anh Thơ	1209	12A3	
3	12039800	Phạm Nguyễn Anh Thơ	1209	12A4	
4	12040800	Đoàn Thu	1209	12A2	
5	12040900	Đặng Phương Thu	1209	12A1	
6	12041000	Trần Lê Anh Thu	1209	12A2	
7	12041100	Trương Trúc Thu	1209	12A3	
8	12041200	Dương Bảo Thu	1209	12A4	
9	12041300	Nguyễn Thị Anh Thu	1209	12A5	
10	12041800	Chim Hoàng Thanh Thùy	1209	12A1	
11	12041900	Trần Nguyễn Kim Thùy	1209	12A1	
12	12042000	Nguyễn Vũ Xuân Thùy	1209	12A2	
13	12042100	Doãn Phương Thùy	1209	12A4	
14	12042300	Nguyễn Thị Kim Thy	1209	12A3	
15	12042400	Nhan Minh Thy	1209	12A4	
16	12042600	Huỳnh Khuru Kiều Tiên	1209	12AP1_TA	
17	12042700	Hồ Nguyễn Hoàng Cát Tiên	1209	12A3	
18	12042800	Nguyễn Thị Kiều Tiên	1209	12A3	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
19	12042900	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	1209	12A4	
20	12044200	Nguyễn Đào Minh Trâm	1209	12A1	
21	12044300	Nguyễn Ngọc Trâm	1209	12A1	
22	12044600	Lư Huyền Trân	1209	12AP1_TA	
23	12044700	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	1209	12AP1_TA	
24	12044800	Nguyễn Ngọc Trân	1209	12AP2_TA	
1	12044900	Đặng Thị Huyền Trân	1210	12AP2_TA	
2	12045000	Hứa Huỳnh Phương Trân	1210	12A1	
3	12045100	Khuru Tuyền Trân	1210	12A1	
4	12045200	Nguyễn Bảo Trân	1210	12A2	
5	12045300	Cao Huỳnh Bảo Trân	1210	12A2	
6	12045400	Nguyễn Vũ Quỳnh Trân	1210	12A2	
7	12045500	Phan Bảo Trân	1210	12A3	
8	12045600	Nguyễn Bảo Trân	1210	12A5	
9	12045700	Nguyễn Lê Tuyết Trân	1210	12A5	
10	12046000	Trần Yến Trang	1210	12A1	
11	12046400	Võ Minh Trí	1210	12A3	
12	12046700	Kiều Diễm Trinh	1210	12AP1_TA	
13	12047000	Nguyễn Tuấn Trường	1210	12AP1_TA	
14	12047200	Hoàng Minh Tuệ	1210	12AP1_TA	
15	12047300	Nguyễn Đặng Gia Tuệ	1210	12A1	
16	12047400	Trần Xuân Tươi	1210	12A1	
17	12047500	Nguyễn Hoàng Khánh Tường	1210	12A5	
18	12047600	Hồ Thanh Tuyền	1210	12A2	
19	12047700	Nguyễn Ngọc Tuyền	1210	12A3	
20	12047800	Võ Trần Ánh Tuyết	1210	12A3	
21	12047900	Phùng Hoàng Tỷ	1210	12A5	
22	12048000	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	1210	12A4	
23	12048200	Nguyễn Dương Kiều Vân	1210	12AP1_TA	
24	12048300	Nguyễn Thị Tú Vân	1210	12A1	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12048700	Phạm Nguyễn Tường Vi	1211	12A4	
2	12049000	Nguyễn Quang Vinh	1211	12A2	
3	12049100	Trương Thảo Vy	1211	12AP2_TA	
4	12049200	Thái Tuyết Vy	1211	12AP2_TA	
5	12049300	Nguyễn Tường Vy	1211	12AP2_TA	
6	12049400	Bùi Ngô Tường Vy	1211	12A1	
7	12049500	Thạch Thái Vy	1211	12A2	
8	12049600	Chu Tường Vy	1211	12A2	
9	12049700	Phạm Thị Phương Vy	1211	12A3	
10	12049800	Lê Thị Tường Vy	1211	12A3	
11	12049900	Nguyễn Thúy Khả Vy	1211	12A3	
12	12050000	Bùi Tường Vy	1211	12A3	
13	12050100	Phan Huyền Vy	1211	12A4	
14	12050900	Nguyễn Trần Như Ý	1211	12A1	
15	12051000	Nguyễn Thị Như Ý	1211	12A3	
16	12051300	Nguyễn Thị Hải Yến	1211	12AP1_TA	
17	12051400	Nguyễn Phương Yến	1211	12A2	
18	12051800	Nguyễn Hoàng Anh	1211	12AP1_TP	
19	12051900	Đặng Phạm Thành Đạt	1211	12AP2_TP	
20	12052000	Phan Minh Đức	1211	12AP2_TP	
21	12052100	Nguyễn Khánh Hà	1211	12AP2_TP	
22	12052200	Phạm Gia Hân	1211	12AP2_TP	
23	12052300	Huỳnh Nguyễn Khải Hoàn	1211	12AP1_TP	
24	12052400	Oh Eun Hui	1211	12AP1_TP	
1	12052500	Lê Quốc Hùng	1212	12AP2_TP	
2	12052600	Võ Thành Hưng	1212	12AP1_TP	
3	12052700	Huỳnh Nguyễn Gia Khôi	1212	12AP2_TP	
4	12052800	Lý Hồ Tuấn Kiệt	1212	12AP1_TP	
5	12052900	Nguyễn Duy Mạnh	1212	12AP2_TP	
6	12053000	Huỳnh Nguyễn Phương Minh	1212	12AP1_TP	

MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12053100	Trương Quốc Minh	1212	12AP2_TP	
8	12053200	Nguyễn Thị Kim Ngân	1212	12AP2_TP	
9	12053300	Trần Nguyễn Hoàng Nguyên	1212	12AP2_TP	
10	12053400	Trần Hữu Phát	1212	12AP2_TP	
11	12053500	Hoàng Tấn Phát	1212	12AP2_TP	
12	12053600	Mã Nguyễn Thanh Phước	1212	12AP2_TP	
13	12053700	Đặng Ngọc Như Quỳnh	1212	12AP2_TP	
14	12053800	Phùng Hải Sơn	1212	12AP2_TP	
15	12053900	Lê Đức Thịnh	1212	12AP2_TP	
16	12054000	Huỳnh Anh Thư	1212	12AP2_TP	
17	12054100	Lê Nguyễn Anh Thư	1212	12AP2_TP	
18	12054200	Nguyễn Thị Trúc Thy	1212	12AP1_TP	
19	12054300	Trương Bảo Thy	1212	12AP2_TP	
20	12054400	Trần Phương Vy	1212	12AP1_TP	
21	12054500	Nguyễn Ngọc Tường Vy	1212	12AP2_TP	
22	12054600	Nguyễn Hoàng Duy Ý	1212	12AP2_TP	
23	12054700	Lê Hoàng Yến	1212	12AP1_TP	

Danh sách có 287 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 12 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đông Anh Đào